

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN DƯƠNG
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **76/2021/HNGĐ- ST**

Ngày 13/9/2021

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tuấn Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Quang

2. Ông Hoàng Văn Hùng

Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Vân Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 13/9/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 379/2021/TLST- HNGĐ, ngày 12 tháng 7 năm 2021 về việc Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2021/QĐXXST- HNGĐ, ngày 13/8/2021, quyết định hoãn phiên tòa số 53/2021/QĐST-HNGĐ ngày 27/8/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Tô Thị H, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã L, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

- *Bị đơn:* Anh Chu Tiến C, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

*(Chị Tô Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt,
anh Chu Tiến C vắng mặt không có lý do)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Tô Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Chu Tiến C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 04/3/2014 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã L, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang (nay là xã T, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang) theo đúng quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn hai vợ chồng cùng làm ăn sinh sống tại thôn P, xã T, huyện Sơn Dương. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2017 vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, dẫn

đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Vợ chồng anh chị cũng đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay không còn đi lại, quan tâm gì đến nhau. Nay chị xác định tình cảm không còn, không thể đoàn tụ được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Chu Thị Ánh N, sinh ngày 20/10/2016. Khi ly hôn chị đề nghị được quyền nuôi dưỡng, giáo dục cháu N, chị không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Chu Tiến C trốn tránh, không hợp tác làm việc, không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, không có văn bản trình bày ý kiến. Do đó Tòa án không lấy được lời khai và không hòa giải được.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/7/2021, bà Dương Thị Đ (Bà Đ là mẹ đẻ của anh Chu Tiến C) là người làm chứng trình bày:

Về thời gian kết hôn và quá trình chung sống của chị H và anh C như chị Huệ trình bày là đúng. Khoảng năm 2017 giữa vợ chồng anh chị có phát sinh mâu thuẫn cãi chửi nhau sau đó chị H tự ý mang theo con bỏ đi về nhà mẹ đẻ ở, vợ chồng anh chị cũng sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay, chị H có đơn xin ly hôn bà đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn với anh C.

Về việc giao nuôi con chung: Quá trình chung sống chị H và anh C có 01 con chung là cháu Chu Thị Ánh N, sinh năm 2016. Hiện nay cháu N đang ở cùng chị H. Theo bà việc giao nuôi con chung bà đề nghị Tòa án giao quyền nuôi con cho anh C.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương phát biểu quan điểm: Tòa án đã thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn sơ thẩm về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn*” là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, thẩm phán và Hội đồng xét xử (HĐXX) đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tô Thị H, xử cho chị Tô Thị H được ly hôn với anh Chu Tiến C. Giao cháu Chu Thị Ánh N, sinh ngày 20/10/2016 cho chị Tô Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Chu Tiến C có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị H xác định không có nên không xem xét. Chị Tô Thị H phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Tô Thị H và anh Chu Tiến C kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn, vì vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và giao nuôi con chung khi ly hôn, do vậy quan hệ pháp luật tranh chấp xác định là: *Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn* theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Anh Chu Tiến C đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại thôn P, xã T, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Vì vậy, căn cứ khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương.

[3] Chị Tô Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Chu Tiến C được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, HĐXX căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[4] Về yêu cầu ly hôn của chị Tô Thị H, HĐXX nhận định: Căn cứ kết quả xác minh tại chính quyền địa phương nơi cư trú của chị Huệ và anh C xác định: Chị H và anh C kết hôn vào năm 2014. Sau khi kết hôn, anh chị làm ăn sinh sống tại thôn P, xã T, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Đến năm 2017 vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn dẫn đến thường xuyên cãi chửi nhau. Vợ chồng anh chị cũng đã sống ly thân từ năm 2017 không còn đi lại, quan tâm, chăm sóc đến nhau. Bản thân chị H xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể quay lại đoàn tụ được. Quá trình giải quyết vụ án, anh C không có ý kiến gì, không có mặt theo yêu cầu của Tòa án để tiến hành hòa giải, điều đó cho thấy anh C cũng không mong muốn hòa giải đoàn tụ.

Từ những căn cứ trên xác định, tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh C đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị H là chính đáng và có căn cứ cần chấp nhận theo quy định tại khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về việc giao nuôi con chung khi ly hôn, HĐXX nhận định: Quá trình giải quyết ly hôn chị Tô Thị H có quan điểm muốn được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung, chị không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung. Quá trình xác minh tại địa phương thể hiện: Chị H và anh C có 01 con chung là cháu Chu Thị Ánh N, sinh ngày 20/10/2016. Từ thời điểm vợ chồng anh chị sống ly thân đến nay cháu N đều do chị H chăm sóc, nuôi dưỡng. Theo chính quyền địa phương nên giao cháu N cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh thực tế vì cháu N hiện nay còn nhỏ, cháu lại là con gái cần có sự chăm sóc của người mẹ hơn. Bản thân chị H làm nghề công nhân có mức thu nhập ổn định. Anh C hiện nay ở địa phương làm nghề làm ruộng với mức thu nhập khoảng 3.000.000đồng/1 tháng nhưng không ổn định, hiện nay anh C đang ở chung cùng với mẹ tại thôn P, xã T, huyện Sơn Dương. Do đó, căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Chu Thị Ánh N, sinh ngày 20/10/2016 cho chị Tô Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Chu Tiến C không phải cấp dưỡng nuôi con, anh C có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

[6] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị H xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Tô Thị H phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Chu Tiến C không phải nộp án phí.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Tô Thị H về việc *Kiện Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn* đối với anh Chu Tiến C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Tô Thị H được ly hôn với anh Chu Tiến C.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Chu Thị Ánh N, sinh ngày 20/10/2016 cho chị Tô Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Chu Tiến C không phải cấp dưỡng nuôi con, anh C có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Tô Thị H phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003935 ngày 12 tháng 7 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Anh Chu Tiến C không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;
- UBND xã L;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu VT- HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Tuấn Linh

